

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC THỂ DỤC THỂ THAO

Trương Anh Tuấn⁽¹⁾

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định thành tựu của công cuộc đổi mới, đặc biệt là kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI và XII: *“Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”*. An sinh xã hội được quan tâm nhiều hơn và cơ bản được bảo đảm, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định; Quốc phòng, an ninh được tăng cường; Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Cùng với sự phát triển của kinh tế, các lĩnh vực liên quan chặt chẽ đến quá trình chuẩn bị và bồi dưỡng nguồn nhân lực như: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, y tế, TDTT cũng có bước phát triển đáng khích lệ. Trong bối cảnh đó, TDTT nước ta không những cần tiếp tục góp phần tích cực chăm sóc sức khỏe, phát triển thể lực, bồi dưỡng ý chí của con người phục vụ nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước mà TDTT còn là nhịp cầu nối liền các nền văn hóa thể chất của các dân tộc trên thế giới để thích ứng với những yêu cầu mới, với những mối liên hệ mới, nhịp sống mới để cùng tồn tại và phát triển trong một thế giới hòa bình.

Để đạt được mục đích trên TDTT nước ta cần phải có một đội ngũ nhân lực có phẩm chất và năng lực đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Theo đó, đào tạo nguồn nhân lực TDTT có chất lượng cao mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa là tiền đề, vừa là động lực phát triển TDTT.

Bài viết của chúng tôi tập trung vào các nội dung sau:

- Thời cơ và thách thức đối với hoạt động đào tạo nhân lực TDTT;
- Đào tạo nhân lực TDTT và yêu cầu của thị trường TDTT;
- Một số ý kiến đề xuất về đào tạo nhân lực TDTT.

1. Thời cơ và thách thức đối với hoạt động đào tạo nhân lực TDTT

Để phát triển bền vững nước ta trong thời kỳ mới, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 của Chính phủ đã xác định ba khâu đột phá, gồm: một là, Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; hai là, Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; ba là, Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Trong ba khâu đột phá chiến lược nói trên, có thể nói nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tố trung tâm. Vì xét đến cùng, đây là khâu quan trọng nhất trong ba khâu đột phá, có vai trò chi phối việc thực hiện các đột phá khác. Bởi chính con người tạo ra và thực thi thể chế, xây dựng bộ máy, quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng. Thực hiện tốt khâu đột phá này sẽ làm tăng sức mạnh mềm của quốc gia, tạo ra sức mạnh tổng hợp, có ảnh hưởng quyết định đến việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng.

Tuy nhiên, hiện nay vấn đề nhân lực có trình độ đào tạo cao không tìm được việc làm trong hầu hết các ngành, nghề ở nước ta có xu hướng tăng lên đã và đang trở thành một trong những

⁽¹⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh



Nguồn nhân lực TDTT tại Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ và mở rộng không ngừng, giao thoa với các ngành nghề có liên quan như: Dịch vụ, Du lịch, Y học, Truyền thông...

vấn đề nóng của xã hội, đồng thời là thách thức sống còn đối với không ít trường đại học, cao đẳng, trong đó có các cơ sở đào tạo nhân lực TDTT. Thực tế này cho thấy, đào tạo nguồn nhân lực vốn mang nặng tính bao cấp từ đầu vào đến đầu ra đã không còn phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới theo định hướng kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng kèm theo sự giao lưu và tiếp biến văn hóa nói chung và văn hóa thể chất (TDTT) nói riêng đã phát triển và thúc đẩy nhu cầu hoạt động và hưởng thụ các giá trị TDTT của nhân dân. Nhân lực TDTT vì vậy có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe, thể lực và nâng cao chất lượng sống của nhân dân; góp phần tích cực chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng cao phục sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhu cầu khách quan này đã tạo nên một thị trường TDTT mới và rộng lớn để có thể trao đổi các sản phẩm TDTT, trong đó có nhân lực TDTT. Tuy nhiên khác với cơ chế bao cấp trước đây, nhân lực TDTT hiện tại và trong tương lai phải tự tìm kiếm việc làm và phải có năng lực thích ứng với các yêu cầu của

vị trí việc làm lựa chọn, phải đáp ứng được nhu cầu TDTT của xã hội, nếu không họ sẽ thất nghiệp. Như vậy, chỉ những ai có phẩm chất tốt, năng lực chuyên môn cao và có năng lực thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp mới có cơ hội tìm được việc làm, cho dù họ được đào tạo trong các trường chuyên về TDTT hay không.

Hiện nay, thị trường TDTT nước ta, chủ yếu là thể thao chuyên nghiệp và các loại hình dịch vụ TDTT với hình thức sở hữu đa dạng, trong thời gian tới chắc chắn sẽ có sự chuyển đổi mạnh mẽ về cơ cấu, về số lượng và chất lượng.

Hiện nay dân số nước ta gần 100 triệu (Liên Hợp Quốc), trong đó 70% có độ tuổi dưới 35. Điều kiện sống được cải thiện và quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa nói chung và văn hóa thể chất nói riêng đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức, hứng thú và nhu cầu tập luyện TDTT nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực và nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Nhu cầu này ngày càng cao, ngày càng đa dạng và phong phú. Nhiều nội dung, hình thức rèn luyện thân thể mới được tiếp thu và phát triển nhanh chóng như: các hình thức và phương pháp dưỡng sinh (khí công, yoga, các bài quyền dưỡng sinh...),

chạy tự do (Free Running, Parkour), tập luyện sức mạnh bằng cách khắc phục trọng lượng cơ thể (Bodyweight Training), du lịch kết hợp với các môn thể thao mạo hiểm (như: Leo núi, Ô tô địa hình, Dù lượn, Chèo thuyền...), các môn TDTT giải trí như Võ đạo giải trí, Esport...). Các hình thức tổ chức tập luyện và thi đấu TDTT quần chúng cũng phát triển nhanh, đa dạng với các hình thức dịch vụ có sở hữu khác nhau ngày càng thu hút người tập, nhất là thanh thiếu niên...

Bên cạnh đó một số lĩnh vực khác như: Truyền thông TDTT, Tổ chức biểu diễn nghệ thuật kết hợp với TDTT, Kinh tế TDTT, Du lịch kết hợp với các hoạt động TDTT... còn rất thiếu, thậm chí chưa có nhân lực được đào tạo về TDTT. Đáng tiếc, hiện nay hầu như các trường Đại học TDTT còn chưa quan tâm nghiên cứu và chưa có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các lĩnh vực và các đối tượng tập luyện nói trên.

Có thể nói thực tế trên vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các cơ sở đào tạo nhân lực TDTT.

2. Đào tạo nhân lực TDTT và yêu cầu của thị trường TDTT

Cho đến nay hầu hết các cơ sở đào tạo nhân lực TDTT ở nước ta (lực lượng chính là 3 trường Đại học TDTT thuộc Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hai trường Đại học Sư phạm TDTT và các khoa Giáo dục thể chất thuộc các trường Đại học Sư phạm) chủ yếu đào tạo nguồn nhân lực TDTT công với phương thức vận hành theo cơ chế bao cấp. Theo đó nhân lực TDTT công có thể chia thành hai loại: công chức và viên chức. Hai loại nhân lực này đảm nhiệm những công việc khác nhau.

Công chức là những người thực thi chính sách và pháp luật TDTT. Khi chính sách nói chung và chính sách TDTT đã được ban hành thì họ thực thi ngay và cần phải thực thi một cách hiệu quả nhất. Hoạt động có hiệu quả của đội ngũ công chức TDTT sẽ đảm bảo cho chính sách, pháp luật TDTT thật sự đi vào cuộc sống.

Nhân lực công thứ hai cũng rất quan trọng là viên chức TDTT (các cán bộ khoa học TDTT, y sinh học TDTT, báo chí TDTT, giáo viên TDTT, huấn luyện viên, hướng dẫn viên TDTT...), họ

là những người giúp Nhà nước cung cấp dịch vụ TDTT công cho người dân (các công trình TDTT, cơ sở vật chất TDTT như nhà tập, sân tập, nhà thi đấu, dụng cụ tập luyện TDTT, huấn luyện viên, hướng dẫn viên TDTT...) để phát triển sự nghiệp TDTT và để bảo đảm công bằng xã hội trong hoạt động và hưởng thụ các giá trị TDTT. Lực lượng viên chức TDTT nhiều hay ít cũng tùy thuộc vào việc các dịch vụ do tư nhân cung cấp nhiều hơn hay Nhà nước cung cấp nhiều hơn.

Thực tiễn đổi mới tổ chức bộ máy hành chính công ở nước ta cho thấy nhu cầu nguồn nhân lực công nói chung và nguồn nhân lực TDTT công nói riêng ngày càng thu hẹp và yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với đội ngũ này ngày càng cao. Như vậy việc tìm kiếm công việc ở khu vực này của sinh viên TDTT sau tốt nghiệp ngày càng khó khăn. Các công trình nghiên cứu gần đây về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp ở các ngành nghề, trong đó có ngành TDTT cũng cho thấy xu hướng trên, đồng thời các kết quả nghiên cứu cũng chỉ rõ một thực tế là đào tạo nguồn nhân lực TDTT hiện nay còn chưa đáp ứng nhu cầu xã hội nên số lượng sinh viên sau khi ra trường không tìm được việc làm có xu hướng ngày càng tăng, nguồn nhân lực TDTT trong hiện tại và tương lai chủ yếu làm việc ở các khu vực dịch vụ ngoài Nhà nước và chịu sự chi phối của thị trường TDTT.

Thị trường TDTT phát triển đa dạng và phong phú sẽ có sức hút mạnh mẽ nguồn nhân lực TDTT kèm theo những yêu cầu và đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực. Muốn trao đổi sản phẩm trên thị trường TDTT đã hình thành và đang có xu hướng phát triển mạnh, các cơ sở đào tạo nhân lực TDTT cần hiểu rõ thị trường và phải có năng lực đáp ứng nhu cầu TDTT của xã hội. Nói một cách khác, nhà trường phải gắn nhiệm vụ đào tạo với thực tiễn thị trường TDTT thông qua việc thường xuyên nghiên cứu, đổi mới đào tạo để đáp ứng các nhu cầu của thị trường TDTT. Đây là một yêu cầu bức thiết từ thực tiễn sử dụng nguồn nhân lực nói chung và nhân lực TDTT nói riêng của nước ta.

3. Một số ý kiến đề xuất về đào tạo nhân lực TDTT

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực TDDT trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, chúng tôi xin có một số ý kiến đề xuất sau:

- Một là, nhanh chóng tập trung nghiên cứu về nhu cầu của thị trường TDDT nước ta.

Kết quả nghiên cứu sẽ trả lời các câu hỏi sau: Nên duy trì các ngành đào tạo nào (hiện đang đào tạo 4 ngành học: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Quản lý TDDT và Y học TDDT)?; Nếu duy trì đào tạo ngành học cần đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình và phương thức đào tạo như thế nào?; Nên dừng đào tạo ngành học nào?; Nên mở ngành đào tạo mới hay điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình đào tạo? Trong tương lai sẽ đào tạo ngành học nào? Cần tập trung vào bậc đào tạo nào (cử nhân, thạc sĩ hay tiến sĩ)? Mô hình nguồn nhân lực đào tạo TDDT và mục tiêu đào tạo cần phải đạt được...

Trả lời các câu hỏi trên là cơ sở để xác định “đầu vào” và “đầu ra” của sản phẩm đào tạo và là cơ sở để xác định các hình thức và phương thức đào tạo.

- Hai là, Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Giảng viên là những người trực tiếp giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn và truyền thụ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm cho sinh viên. Không có thầy giỏi về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt thì không thể có chất lượng đào tạo. Trong thời đại khoa học phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ, kiến thức của nhân loại ngày càng nhiều thì vai trò định hướng, dẫn dắt, giáo dục của người thầy đối với học trò lại càng có ý nghĩa quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo. Bởi vậy, xây dựng được đội ngũ giảng viên có đủ phẩm chất và năng lực là yếu tố then chốt quyết định sự thành công trong đào tạo nhân lực TDDT.

Trong những năm qua đội ngũ giảng viên của các trường đại học TDDT được quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn. Số lượng giảng viên có trình độ đào tạo bậc thạc sĩ, tiến sĩ, có học hàm PGS, GS tăng lên rõ rệt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên thực tiễn cũng cho thấy, không ít người chỉ tập trung vào mục tiêu “bằng cấp” mà chưa quan tâm đầy đủ đến việc nâng cao năng lực nghề nghiệp, giữa bằng cấp đào tạo và năng

lực nghề nghiệp của họ còn nhiều bất cập. Do vậy có thể nói nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trước hết cần nâng cao nhận thức và hành động của từng giảng viên và cần hướng vào mục tiêu nâng cao đạo đức và năng lực nghề nghiệp. Tấm gương sáng về nhân cách, về lòng ham học, tinh thần tự học, đam mê nghiên cứu khoa học... của người thầy sẽ truyền cho sinh viên ngọn lửa đam mê nghiên cứu khoa học và tinh thần học tập suốt đời.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cần gắn với việc rà soát, xếp sắp, tổ chức đội ngũ này một cách khoa học nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm, phát huy năng lực sáng tạo và phát huy sở trường của mỗi cá nhân.

Ba là, Gắn kết đào tạo với hoạt động thực tiễn TDDT.

Theo nhiều chuyên gia giáo dục, hiện nay đào tạo đại học nước ta còn nặng về lý thuyết, “học chưa đi đôi với hành” nhất là việc tổ chức hoạt động thực tập nghề nghiệp của sinh viên đại học nước ta còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa được nhà trường, giảng viên và sinh viên nhận thức đúng và đầy đủ. Việc học không đi đôi với hành không thể đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, sinh viên ra trường không có kinh nghiệm thực tiễn mà chỉ có lý thuyết rất khó xin việc và khó đáp ứng yêu cầu xã hội.

Thực tập là cơ hội rèn nghề, củng cố và phát triển lòng yêu nghề nghiệp cũng như tìm kiếm cơ hội việc làm trong tương lai của sinh viên. Kết quả thực tập không chỉ giúp sinh viên đánh giá đúng năng lực của họ, giúp họ thấy rõ cần phải học gì và làm việc như thế nào mà còn giúp nhà trường nhận thức đúng sản phẩm đào tạo và nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội.

Như vậy, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực TDDT của xã hội cần được nghiên cứu đổi mới theo hướng “học đi đôi với hành”, cần đẩy mạnh thực hành, thực tế trong suốt quá trình học tập của sinh viên. Nhà trường cần tạo điều kiện cho sinh viên làm quen và rèn luyện nghề nghiệp ngay trong quá trình học tập tại trường thông qua các hoạt động ngoại khóa để làm quen và học tập các môn thể thao, các loại hình TDDT mới; tham quan thi đấu, trọng tài; tham gia tổ chức các cuộc thi đấu, trọng tài với quy mô và yêu cầu

phù hợp. Cần làm cho giảng viên và sinh viên ý thức đúng và đầy đủ về tầm quan trọng và giá trị thực tiễn của hoạt động thực tập. Cần lựa chọn và bố trí những giảng viên có trình độ và giàu kinh nghiệm thực tiễn hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động thực tập của sinh viên. Chủ động phối hợp, liên kết và gắn bó với các tổ chức nhà nước và tổ chức xã hội về TĐTT, với các doanh nghiệp, các cơ sở dịch vụ TĐTT ở Trung ương và địa phương, các tổ chức TĐTT ở cơ sở để các tổ chức này tham gia hỗ trợ hoạt động thực tập nghề nghiệp của sinh viên, phối hợp đào tạo theo kế hoạch chặt chẽ để triển khai thực hiện hiệu quả, kiểm tra, đánh giá kết quả thực tập nghiêm túc và chính xác.

Bốn là, Quan tâm giáo dục lòng yêu nghề nghiệp.

Thực tiễn đào tạo của các cơ sở đào tạo nhân lực TĐTT nước ta cho thấy, số lượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh say mê học tập, nghiên cứu ngày càng giảm. Số đông người học chỉ tập trung tìm cách có được chứng chỉ, bằng cấp. Điều này dễ dàng nhận biết thông qua tinh thần và thái độ của họ trong học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, nhưng có một nguyên nhân, một yếu tố đặc biệt quan trọng vừa là tiền đề vừa là động lực thúc đẩy hoạt động giảng dạy và hoạt động học tập, đó là lòng yêu nghề thì lâu nay trong lĩnh vực TĐTT ít được quan tâm nghiên cứu và giáo dục.

Lòng yêu nghề tạo nên khát vọng tìm kiếm các biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy của người thầy và thúc đẩy sự nỗ lực, sáng tạo trong học tập, rèn luyện của người học. Phải có lòng yêu nghề mới có động lực thật sự để nâng cao năng lực chuyên môn. Nếu không có tình yêu nghề thực sự, sẽ không bao giờ thành công vì chỉ có lòng yêu nghề mới giúp mỗi người bước qua những khó khăn, chinh phục mọi thử



Trong xu thế phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực giao thoa như Thể thao du lịch, thể thao mạo hiểm... việc đào tạo nguồn nhân lực TĐTT chưa bắt kịp so với nhu cầu thực tế

thách và đạt được những thành công không thể ngờ tới. Không có lòng yêu nghề thì không có thầy giỏi, thầy tốt. Không có thầy tốt, thầy giỏi thì không có học trò giỏi, học trò tốt.

Tích cực đổi mới phương thức đào tạo thông qua các hoạt động nghiên cứu nhu cầu của thị trường TĐTT; Thông qua sự phối hợp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ TĐTT, thu hút nguồn lực xã hội tham gia vào quá trình bồi dưỡng nhân lực TĐTT theo các hình thức mềm dẻo và thiết thực tại trường và liên kết với các địa phương; Thu hút và đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao, huấn luyện thể thao; Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ TĐTT trong quá trình đào tạo để có môi trường cho sinh viên học tập, nghiên cứu, thực tập, định hướng nghề nghiệp và bồi dưỡng lòng yêu nghề; Khơi dậy sự ham học hỏi, lòng say mê và lao động sáng tạo của người dạy và người học. Những điều đó chính là những việc cần làm ngay để nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường TĐTT nước ta.

Cơ sở đào tạo nhân lực TĐTT muốn tồn tại và phát triển bền vững trong thời kỳ phát triển mới của đất nước cần phải có một tư duy mới, một hành động mới và một phương thức làm việc mới khác với thái độ làm việc thụ động, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước.

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại góp phần tích cực nâng cao chất lượng dân số Việt Nam

6. Trương Anh Tuấn

Một số suy nghĩ về đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao

11. Nhật Minh

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030

BÀI BÁO KHOA HỌC

13. Nguyễn Văn Phúc

Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

19. Bùi Việt Hà

Kinh nghiệm huy động nguồn tài chính của các câu lạc bộ Bóng đá chuyên nghiệp trên thế giới và bài học đối với Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam

23. Nguyễn Bá Hòa

Lựa chọn giải pháp ứng dụng thể dục thể thao thích ứng cho người khuyết tật ở thành phố Hà Nội

26. Đào Thị Phương Chi

Hiệu quả mô hình giáo dục thể chất theo nhu cầu người học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

31. Trần Văn Tùng

Thực trạng công tác thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

37. Bounnuang Kamphengthong

Thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia các hoạt động thể thao của học sinh trung học phổ thông ở Thủ đô Viêng Chăn - Lào

41. Ngô Mạnh Cường

Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

46. Nguyễn Hải Tùng

Đánh giá thực trạng thể lực chung của nam sinh viên Trường Đại học luật Hà Nội

49. Hoàng Sỹ Trung

Thực trạng mức độ hứng thú học tập các học phần kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

52. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thị Thu Hiền; Lê Đức Anh

Xác định tiêu chí đánh giá kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

57. Phạm Thế Vượng; Nguyễn Tất Tuấn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dạy học trực tuyến cho sinh viên chuyên ngành Bóng chuyền, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

63. Nguyễn Thị Hà; Đào Thị Hoa Quỳnh

Thực trạng động cơ học tập Thể dục thể thao của sinh viên Đại học Thái Nguyên

66. Nguyễn Thị Thảo Mai, Nguyễn Đình Chung

Thực trạng huấn luyện sức mạnh tốc độ cho nam vận động viên Cầu lông lứa tuổi 14-15 tỉnh Bắc Giang

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

70. Trần Đức Thọ

Thể thao người khuyết tật Việt Nam tích cực chuẩn bị tham dự Asean Para Games 12 và Asian Para Games 4

72. Vũ Trọng Lợi

Tiếp tục phát triển Yoga Việt Nam

77. Phạm Tuấn Dũng; Phạm Việt Hà

Bài tập nâng cao thể lực với tạ tay

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

The movement of the whole people to exercise their bodies following the example of the great Uncle Ho contributed positively to improving the quality of Vietnam's population

6. Truong Anh Tuan

Some thoughts on human resource training in sport

11. Nhat Minh

Bac Ninh Sports University focuses on improving the capacity of lecturers and managers to meet the requirements of fundamental and comprehensive renovation of education and training in the period of 2019 - 2030

ARTICLES

13. Nguyen Van Phuc

Current status of legal risks in sport activities in Vietnam

19. Bui Viet Ha

Experience in mobilizing financial resources of professional football clubs in the world and lessons for Vietnamese professional football

23. Nguyen Ba Hoa

Selection of adaptive sports application solutions for people with disabilities in Hanoi City

26. Dao Thi Phuong Chi

Effectiveness of the model of physical education according to the needs of learners at Hanoi Capital University

31. Tran Van Tung

Actual situation of extracurricular sports activities of students at Hanoi Capital University

37. Bounnuang Kamphengthong

Current status of needs, motivations and reasons for participating in sports practice of high school students in Vientiane Capital - Laos

41. Ngo Manh Cuong

Measures to improve the effectiveness of teaching and learning Physical Education for students University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

46. Nguyen Hai Tung

Assessment of the general physical condition of male students at Hanoi Law University

49. Hoang Sy Trung

Current status of interest in learning complementary knowledge modules in the training program of students majoring in Physical Education, Hong Duc University

52. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Thi Thu Hien; Le Duc Anh

Determination of soft skills assessment criteria for students of Bac Ninh University of Physical Education and Sports

57. Pham The Vuong; Nguyen Tat Tuan

Actual situation of factors affecting the quality of online teaching for students majoring in Volleyball, Bac Ninh Sports University

63. Nguyen Thi Ha; Dao Thi Hoa Quynh

Current status of students' motivation to study physical education at Thai Nguyen University

66. Nguyen Thi Thao Mai, Nguyen Dinh Chung

Current status of speed strength training for male Badminton players aged 14-15 in Bac Giang province

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

70. Tran Duc Tho

Sports for people with disabilities in Vietnam actively prepares to participate in Asean Para Games 12 and Asian Para Games 4

72. Vu Trong Loi

Continue to develop Vietnamese Yoga

77. Pham Tuan Dung; Pham Viet Ha

Strength training with dumbbells

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

**Số 2 -2023
(75)**

